

ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI VÀ PHÂN LOẠI CHI ĐĂNG THIỆT – *Isoglossa* Oersted (HỌ Ô RÔ - ACANTHACEAE) Ở VIỆT NAM

ĐỖ VĂN HÀI

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

Chi Đăng thiệt *Isoglossa* được Oersted công bố vào năm 1854. Cho đến nay, theo D. J. Mabberley chi này hiện biết khoảng 50 loài, phân bố rộng khắp trên thế giới [10]. Theo B. Hansen (1985) chi này phân bố rộng rãi từ Sikkim và Đông Bắc Ấn Độ, Trung Quốc, Bán đảo Đông Dương, Tây Malesia đến đảo Ceram (Indônêxia). Ở Đông Nam Á chi này có khoảng 8 loài [2].

Theo Phạm Hoàng Hộ và Trần Kim Liên, chi này ở Việt Nam ghi nhận có 3 loài; loài *Isoglossa collina* được chúng tôi ghi nhận mới cho Việt Nam vào năm 2012. Như vậy tổng số loài hiện biết của chi Đăng thiệt ở Việt Nam là 4 loài. Trong bài báo này chúng tôi mô tả đặc điểm chi, xây dựng khóa định loại loài và mô tả đặc điểm các loài, cung cấp các thông tin về mẫu chuẩn, sinh học sinh thái, phân bố và mẫu nghiên cứu của các loài thuộc chi này.

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu là các loài thuộc chi *Isoglossa* ở Việt Nam. Các mẫu nghiên cứu là các tiêu bản được thu thập trên cả nước và hiện được lưu giữ tại các phòng tiêu bản thực vật.

Phương pháp nghiên cứu: Áp dụng phương pháp so sánh hình thái để định loại. Kế thừa, tổng hợp và phân tích các tài liệu có liên quan.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Đặc điểm chi *Isoglossa* ở Việt Nam

Cây thảo hay cây bụi. Thân non thường có dạng 4 cạnh; nhẵn hoặc có lông mịn. Lá bằng nhau hoặc gần bằng nhau theo từng cặp; mọc đối; có cuống lá, nhẵn hoặc có lông mịn. Cụm hoa dạng chùy hoặc tháp; thường mọc ở đầu cành; đôi khi ở nách lá; trục cụm hoa nhẵn hoặc có lông mịn đến lông tơ; thường có tuyến. Lá bắc và lá bắc con nhỏ, hình tam giác, bầu dục, ngọn giáo đến hình đường hoặc hình dùi; nhẵn hoặc có lông mịn, thường có tuyến. Đài 5 thùy, xê sâu đến gần gốc; các thùy bằng nhau và hẹp. Tràng có ống hình trụ ở phía dưới, phía trên miệng mở rộng ra, hình phễu; miệng tràng 2 môi, ngắn hơn ống tràng; môi trên 2 thùy ngắn; môi dưới 3 thùy; thùy tràng xếp lợp ở phía ngoài. Nhị 2, không thò ra khỏi ống tràng, chỉ nhị nhẵn, dính trên ống tràng; dính nhau theo chiều dài; bao phấn 2 ô, hình thuôn hoặc tù; hai bao phấn dính lệch nhau hoặc chênh nhau ít thì bao phấn phía dưới nhỏ hơn, gốc bao phấn không có phần phụ. Đĩa mật mỏng và phẳng, hoặc hình chén. Bầu nhẵn; 2 noãn trong mỗi ô; vòi nhụy nhẵn, hình chỉ; núm nhụy hình cầu. Quả nang thuôn dài, hình chùy, 2 hạt trong mỗi ô ở phần trên; phần gốc đặc và không mang hạt; hạt dính trên giá noãn có móc cong. Hạt 4, dẹt, hình thấu kính, có nếp nhẵn hoặc điểm mụn.

Typus: Isoglossa origanoides (Nees) Lindau [*Rhytiglossa origanoides* Nees]

2. Khóa định loại và mô tả các loài thuộc chi *Isoglossa* ở Việt Nam

- 1A. Cụm hoa hình tháp, nhánh cụm hoa dày **1. I. clemensorum**
1B. Cụm hoa hình chùy, nhánh cụm hoa thưa.
2A. Nhánh cụm hoa phân chia 2-3 lần. **2. I. fastidiosa**

2B. Nhánh cụm hoa không phân chia như trên.

3A. Ống tràng dài bằng hoặc ngắn hơn phần thùy tràng, chỉ nhị cong. 3. *I. inermis*

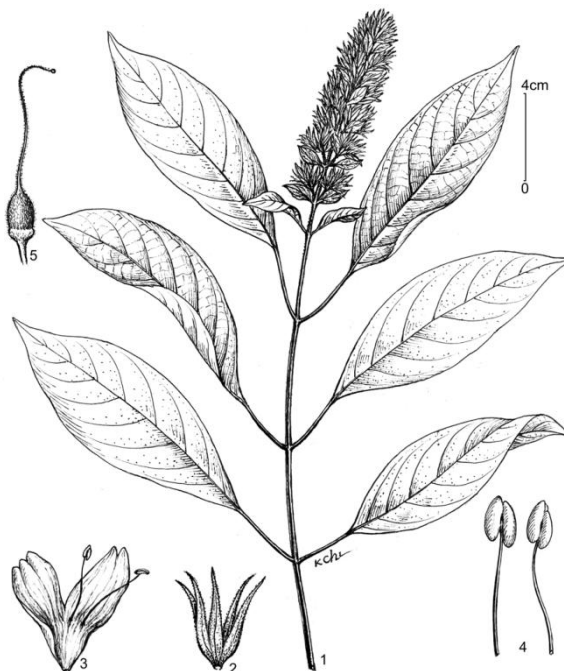
3B. Ống tràng dài hơn phần thùy tràng, chỉ nhị thẳng 4. *I. collina*

2.1. *Isoglossa clemensorum* (Benoist) B. Hansen – Đẳng thiết clemen

B. Hansen, 1985. Nordic Journ. Bot. 5(1): 8; Phamh. 2000. Illustr. Fl. Vietn. 3: 82.

– *Justicia clemensorum* Benoist [1935, gallic.], 1936. Not. Syst. 5: 126.

Cây bụi, cao 2-3 m; cành tròn, cỡ 5-6 mm, xám vàng, nhẵn. Lá đơn mọc đối, cuống lá cỡ 2 cm, nhẵn; phiến lá hình trái xoan-hình mác, cỡ 17-18 x 7-8,5 cm, mỏng, nhẵn; gốc lá nhọn; đầu lá có mũi nhọn, mép lá nguyên, nhẵn; gân phụ 5-7 cặp. Cụm hoa dạng chùy dày, ở đầu cành, đôi khi ở nách lá, cỡ 6-8 x 3 cm. Lá bắc dính ở trên trục chính cụm hoa cỡ 8 x 3 mm; hình mác, thường dính ở góc nhánh cụm hoa dạng xim, có lông tơ rải rác; lá bắc của mỗi hoa hình đường, cỡ 6-8 x 1-1,5 mm; lá bắc con hình đường, cỡ 5-6 x 1 mm. Đài 5 thùy, các thùy dài gần như bằng nhau, xẻ sâu đến gốc; thùy dài cỡ 5,5 cm, nhẵn. Tràng màu trắng, có đốm đỏ ở họng, cỡ 12-13 mm; 2 môi: môi trên 2 răng, môi dưới 3 thùy, thùy giữa lớn hơn 2 thùy bên. Nhị 2, dính ở giữa ống tràng; chỉ nhị nhẵn; bao phấn 2 ô dính lệnh nhau. Bầu có lông tơ dày, vòi nhụy có lông.



Hình 1: *Isoglossa clemensorum* (Benoist) B. Hansen

1. cành mang hoa; 2. đài; 3. tràng mở; 4. nhị;
4. bầu và vòi nhụy

(hình Đỗ Văn Hải, vẽ theo mẫu TVC 271 [HN];
người vẽ L. K. Chi)

Loc. class.: Vietnam “Mount Bana, ca. 25 km. from Tourane, forest”.
Typus: J. Clemens & M. S. Clemens 3801 (Iso.-A; photo!).

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa tháng 6-7. Mọc rải rác trong rừng, nơi ẩm.

Phân bố: Thừa Thiên-Huế (A Lưới: A Roàng), Đà Nẵng (Hòa Vang: Bà Nà), Quảng Nam (Nam Giang: Giăng, Phước Sơn: Khâm Đức).

Mẫu nghiên cứu: THỪA THIÊN-HUẾ, T. M. Quang 51 (HN). - ĐÀ NẴNG, V. X. Phương 8603 (HN). - QUẢNG NAM, LX-VN 2840, 3023 (HN); TVC 271 (HN).

2.2. *Isoglossa fastidiosa* (Benoist) B. Hansen – Đẳng thiết khó

B. Hansen, 1985. Nordic Journ. Bot. 5(1): 10; Phamh. 2000. Illustr. Fl. Vietn. 3: 82.

– *Justicia fastidiosa* Benoist [1935, gallic.], 1936. Not. Syst. 5: 127

Cây thảo, cao 50 cm; nhánh non gần như vuông, có 2 hàng lông đối diện. Lá đơn mọc đối, phiến lá hình ngọn giáo, cỡ 6-15 x 2,5-6 cm, mỏng, có lông mịn, bìa rìa lông; gốc lá tù hoặc

nhọn; đầu lá có mũi nhọn, gân-phụ 7-8 cặp; cuống lá dài cỡ 2 cm. Cụm hoa dạng chùy ở nách lá hoặc đầu cành; trục cụm hoa mảnh, có lông mịn. Lá bắc hình đường, có lông tơ, cỡ 1,5-2 mm. Đài 5, các thùy đài xẻ sâu đến gần gốc, thùy đài hình đường, cỡ 6 mm, có lông mịn. Tràng cỡ 16 mm, xẻ 2 môi: môi trên 2 răng, môi dưới 3 thùy. Nhị 2, đính ở họng tràng; chỉ nhị ngắn, bao phấn 2 ô, các ô bao phấn đính lệch nhau. Bầu có lông tơ, vòi nhụy có lông rải rác.



Hình 2: *Isoglossa fastidiosa* (Benoist) B. Hansen
Cành mang hoa (ảnh: Đỗ Văn Hải)

Loc. class.: Vietnam “Bois sur le bas Song Cao et le Song Cay près de Nhatrang, 17/7/1921”. **Typus:** Evrard, F. 542 (holo.-P; photo!).

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa tháng 3-4. Mọc rải rác trong rừng, ven suối, ven đường mòn nơi ẩm.

Phân bố: Mới thấy ở Khánh Hòa (Cam Lâm: Suối Cát, Nha Trang), Lâm Đồng (Lạc Dương).

Mẫu nghiên cứu: KHÁNH HÒA, PTV 371 (HN).

2.3. *Isoglossa inermis* (Benoist) B. Hansen – **Đẳng thiết không gai**

B. Hansen, 1985 (CCVN, 3: 94); Phamh. 2000. Illustr. Fl. Vietn. 3: 82.

– *Justicia inermis* Benoist [1935, gallic.], 1936. Not. Syst. 5: 127

Cây bụi, cao 3-5 m; cành non gần như tròn, không lông. Lá đơn mọc đối; cuống lá dài 1-1,3 cm, ngắn; phiến hình mác-hình trứng, cỡ 10-20 x 4,5-7 cm, đầu có mũi ngắn, đáy thon nhọn, không lông; gân-phụ 10-12 cặp. Cụm hoa dạng chùy ở đầu cành, cao cỡ 6-7 cm, nhánh dài 2 cm. Lá bắc hình đường, dài cỡ 2 mm, ngắn. Đài xẻ 5 thùy, các thùy đài bằng nhau, xẻ sâu đến gần gốc đài; cỡ 5 mm, không lông. Tràng hoa màu trắng, cỡ 12-13 mm, ngắn; ống tràng dài hơn phần miệng tràng; tràng xẻ 2 môi: môi trên 2 thùy hẹp, môi dưới xẻ 3 thùy, thùy hình bầu dục. Nhị 2, đính ở họng tràng; chỉ nhị ngắn; bao phấn 2 ô, các ô bao phấn đính lệch nhau. Bầu ngắn, vòi nhụy có lông tơ. Quả nang, cỡ 15 mm, cong, ngắn. Hạt 4.



Hình 3: *Isoglossa inermis* (Benoist) B. Hansen
Cành mang hoa (ảnh: Đỗ Văn Hải)

Loc. class.: Vietnam “Thua Thun, Thua Pun”. **Typus:** Eberhardt, P.A. 2655 (Iso. – US; photo!).

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa tháng 3-5. Mọc rải rác trong rừng nơi ẩm, ven suối.

Phân bố: Hải Phòng (Cát Hải: Cát Bà), Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế (Phú Lộc: Lộc Trì), Quảng Nam (Nam Giang).

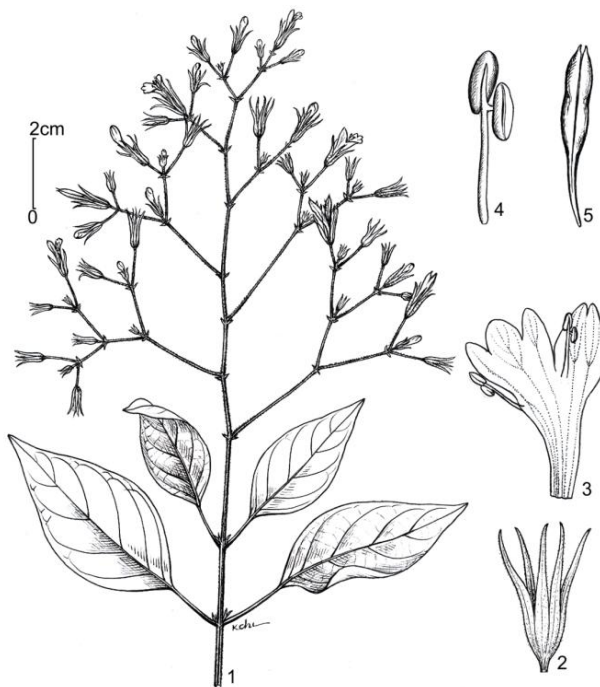
Mẫu nghiên cứu: HẢI PHÒNG, LX-VN 3476 (HN). – THỪA THIÊN-HUẾ, HN-NY 735 (HN).

2.4. *Isoglossa collina* (T. Anders.) B. Hansen – **Đẳng thiết collin**

B. Hansen, 1985. Nord. Journ. Bot. 5(1): 12; Hu, C. C. 2002. Fl. Reip. Pop. Sin. 70: 232; D. V. Hai, D. D. Huyen, Y. F. Deng, 2011. Journ. Biol. 33(2): 51-53.

- *Justicia collina* T. Anders. 1867. Journ. Linn. Soc. London (Bot.), 9: 515.
- *Strophacanthus collinus* (T. Anders.) Lindau, 1894. Bot. Jahrb. 18: 58.
- *Dianthera collina* (T. Anders.) C. B. Clarke, 1885. Fl. Brit. Ind. 4: 543.
- *Chingiacanthus patulus* Hand.-Mazz. 1934. Sinensia, 5(1-2): 11-2.

Cây thảo, cao khoảng 0,5 m. Thân tròn, nhẵn ở phía dưới, phần non có lông tơ. Lá đơn mọc đối, cuống lá dài 0,8-5,5 cm; có lông mịn ở mặt trên; phiến lá hình trứng đến trứng-bầu dục, kích thước 3,5-11 x 2-4,5 cm; đầu lá có mũi, mép lá gần như nguyên, gốc lá hình nêm; gốc lá ở phía trên thường tròn; gân phụ 6-7 cặp. Cụm hoa ở đầu cành hoặc ở nách lá; cụm hoa dạng xim hai ngã, phân nhánh nhiều lần; dài cỡ 5-10 cm; nhánh có tuyến hoặc lông tuyến đến nhẵn; cành ép dẹt. Lá bắc hình ngọn giáo; không có lá bắc con. Đài 5 thùy xẻ sâu đến gốc; thùy dài hình mác đến gần như hình dùi, dài 4-7 cm. Tràng màu trắng với điểm màu hồng; dài 2-3 cm; ống tràng hình trụ ở phần dưới, phần trên hình phễu hẹp, miệng mở rộng; nhẵn ở mặt ngoài; miệng ống tràng 2 môi: môi trên có khía nhỏ hoặc gần như nguyên, môi dưới 3 thùy, thùy cỡ 3-6 mm, hai thùy bên hẹp hơn. Nhị 2, không thò ra khỏi ống tràng; chỉ nhị dính ở giữa miệng ống tràng; chỉ nhị dài 4-10 mm; nhẵn. Bao phấn 2 ô, dính lệch nhau, dài khoảng 4,5 mm; các ô bao phấn bằng nhau. Bầu nhẵn, có đĩa mặt; 4 noãn; vòi nhụy nhẵn. Quả nang, dài 12-14 cm; phần gốc quả đặc và cứng, có 4 hạt, bề mặt hạt xù xì.



Hình 4: *Isoglossa collina* (T. Anders.) B. Hansen
1. cành mang hoa và quả; 2. đài; 3. tràng mở;
4. nhị; 5. quả (hình vẽ theo mẫu LX-VN 1038[HN],
người vẽ L. K. Chi)

Loc. class.: Griffith, Khasia, Suressem 1. 11. 1835. **Lectotypus:** E. I. C. 6164 (K).

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa quả tháng 7-12. Mọc trong rừng, nơi ẩm, ở độ cao từ 1000 đến 2700 m.

Phân bố: Mới thấy ở Lâm Đồng (Lạc Dương: Lang Bian). Còn có ở Sikkim, Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan.

Mẫu nghiên cứu: LÂM ĐỒNG, LX-VN 1038 (HN); T. K. Liên 79 (HN).

III. KẾT LUẬN

Chi Đẳng thiệt (*Isoglossa* Oersted) ở Việt Nam hiện biết có 4 loài. Chúng tôi đã mô tả đặc điểm nhận biết chi, xây dựng khóa định loại các loài, cung cấp các thông tin tóm tắt về phân bố, sinh học và sinh thái, mẫu nghiên cứu, ảnh màu và hình vẽ của các loài thuộc chi này ở Việt Nam.

Lời cảm ơn: Chúng tôi xin chân thành cảm ơn dự án “Tiềm năng sinh học của nguyên liệu sinh học ở Việt Nam” đã hỗ trợ kinh phí cho bài báo; cảm ơn họa sĩ Lê Kim Chi đã vẽ hình vẽ minh họa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Anderson, T.**, 1867. The Journal of the Linnaean Society of London, London, 9 : 509 : 517.
2. **Hansen, B.**, 1985. Nordic Journal of Botany, 5 (1): 1-13.
3. **Fu, L. & al.**, 2004. Higher Plants of China, Qingdao Publishing House, China (in Chinese), 10: 395.
4. **Phạm Hoàng Hộ**, 2000. Cây cỏ Việt Nam, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 3: 82.
5. **Đỗ Văn Hải, Dương Đức Huyền, Deng Yun-Fei**, 2011. Tạp chí Sinh học, 33(2): 51-53.
6. **Hu, C. & al.** 2002. Flora Reipublicae Popularis Sinicae, Science Press, Beijing (in Chinese), Vol. 70: 68-73
7. **Engler, A.**, 1894. Botanische Jahrbücher. Systematik, Pflanzengeschichte und Pflanzengeographie, Leipzig, vol. 18: 58.
8. **Trần Kim Liên**, 2005: Danh lục các loài thực vật Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 3: 251-281.
9. **Lindau, G.**, 1895: Die Natürlichen Pflanzenfamilien, Leipzig, Vol. 4 (3b): 274-354.
10. **Mabberley, D. J.**, 1997: The Plant-Book. ed. 2, Cambridge, United Kingdom, p. 366.

MORPHOLOGICAL AND TAXONOMIC STUDY ON GENUS *Isoglossa* Oersted (ACANTHACEAE) IN FLORA OF VIETNAM

DO VAN HAI

SUMMARY

The genus *Isoglossa* has about 50 species, distributed all over the world. In the South-East Asia, the genus has 8 species, distributed from NE India, China, Indo-Chinese Peninsula, W. Malesia to Indonesia.

There were 4 species recorded in Vietnam. In this article, we have described characteristics of genus *Isoglossa* in Vietnam. Additional information on distribution, habitat, ecology and use of this genus in Vietnam, along with taxonomic key to 4 species of *Isoglossa* have been provided.